TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 880/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 11/7/2023
V/v: Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Lê Tứ Nhị

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Kim Thủy

2. Ông Nguyễn Văn Soan

- Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Minh Tú – Thư ký Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp không tham gia phiên tòa: Bà Đinh Hương Liên - Kiểm sát viên

Ngày 11 tháng 7 năm 2023 tại trụ sở Toà án nhân dân quận Gò Vấp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 360/2023/TLST - HNGĐ ngày 24/3/2023 về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 200/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 26/5/2023 (Quyết định hoãn phiên tòa số 211/2023/QĐHPT – ST ngày 19/6/2023), giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Cao Đăng Q, sinh năm 1979

Địa chỉ: phường 03, quận Gò Vấp, TPHCM

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Phương H, sinh năm 1981

Địa chỉ: phường 11, quận Gò Vấp, TPHCM

(Nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử mặt. Bị đơn vắng mặt không lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai của nguyên đơn là ông Cao Đăng Q và các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ thể hiện:

Ông Cao Đăng Q và bà Nguyễn Thị Phương H chung sống tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 282/2012, quyển số 02 do Ủy ban nhân dân phường 03, quận Gò Vấp, thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 28/12/2012. Ông bà

chung sống có hai con chung là Cao Nguyễn Phương A, sinh ngày 17/4/2012 và Cao Nguyễn Thiên Â, sinh ngày 19/4/2017. Cuộc sống vợ chồng có nhiều mâu thuẫn do không hợp nhau về tính tình, thường xuyên bất đồng quan điểm, không ai chịu lắng nghe ai, tự hành xử theo cách riêng của mình. Mỗi lần cải nhau bà H thường dọn ra khỏi nhà để ở riêng. Nhận thấy không thể níu kéo và hàn gắn được tình cảm vợ chồng nên ông Q yêu cầu ly hôn bà H để ổn định cuộc sống của mình. Ông Q đề nghị được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung và không yêu cầu bà H cấp dưỡng nuôi con. Tài sản chung tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn là bà Nguyễn Thị Phương H mặc dù đã được Tòa án tống đạt trực tiếp, hợp lệ các văn bản tố tụng như thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập đến tòa án làm bản tự khai, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng bà H vắng mặt tại các buổi làm việc nên Tòa án không tiến hành hòa giải được. Tòa án cũng đã tống đạt thông báo về kết quả kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa cho bà H nhưng bà Hà vẫn tiếp tục vắng mặt do đó Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà H.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn có đơn xin vắng mặt và giữ nguyên yêu cầu như nêu trên. Bị đơn vắng mặt nên không ghi nhận được ý kiến.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát phát biểu về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thư ký, Thẩm phán, Hội đồng xét xử trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

Thụ lý đúng thẩm quyền, xác định đúng quan hệ tranh chấp cũng như tư cách pháp lý và mối quan hệ giữa những người tham gia tố tụng; Thời hạn chuẩn bị xét xử đúng quy định; Gửi quyết định đưa vụ án ra xét xử và chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu đảm bảo thời hạn luật định; Tuân theo đúng quy định về xét xử sơ thẩm.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát phát biểu về việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

Nguyên đơn thực hiện đúng quy định tại Điều 70, 71 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Bị đơn chưa thực hiện đúng quy định tại Điều 70, 71 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Về nội dung vụ án: Căn cứ tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, qua diễn biến tại phiên tòa, Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp nhận thấy có cơ sở để chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Nguyên đơn phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Tòa án nhận định:

[1]. *Về tố tụng:*

1.1 Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền của Tòa án:

Bị đơn có đăng ký thường trú và cư trú tại --- phường 11, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh. Nguyên đơn gửi đơn ly hôn đến Toà án nhân dân quận Gò Vấp là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Các đương sự thương yêu, tìm hiểu và tự nguyện sống chung có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 282/2012, quyển số 02 do Ủy ban nhân dân phường 03, quận Gò Vấp, thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 28/12/2012. Nay có yêu cầu ly hôn, xác định đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp được điều chỉnh bởi Luật hôn nhân và gia đình.

1.2 Về người tham gia tố tụng:

Nguyên đơn có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa phù hợp theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Bị đơn đã được Tòa án triệu tập trực tiếp, hợp lệ nhưng vẫn không đến Tòa án để giải quyết vụ án là đã tước bỏ quyền được chứng minh của mình, bị đơn phải chịu hậu quả của việc không chứng minh. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án để xem xét giải quyết vụ án vắng mặt bị đơn theo thủ tục chung quy định tại khoản 4 Điều 91; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] *Xét yêu cầu của các đương sự:*

2.1. Về mâu thuẫn vợ chồng: Các đương sự đã sống ly thân; Nguyên đơn xác định tình cảm vợ chồng dành cho bị đơn không còn nên yêu cầu ly hôn để ổn định cuộc sống của mình. Bị đơn dù đã được tòa án tống đạt trực tiếp, hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng luôn vắng mặt nên Tòa án không tiến hành được phiên họp công khai việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Đưa vụ án ra xét xử vắng mặt bị đơn là có cơ sở theo quy định pháp luật.

Hội đồng xét xử xét thấy: Nguyên tắc cơ bản của chế độ hôn nhân và gia đình là phải xây dựng trên cơ sở tự nguyện, bình đẳng; Các thành viên gia đình có nghĩa vụ tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau. Việc nguyên đơn xác định tình cảm vợ chồng dành cho bị đơn không còn, cả hai mạnh ai nấy sống, không ai quan tâm lo lắng cho ai và yêu cầu ly hôn đã thể hiện sự tự nguyện xây dựng hôn nhân và gia đình không còn nữa, đời sống vợ chồng không có sự quan tâm, chăm sóc, chia sẻ, giúp đỡ lẫn nhau. Bị đơn không đến Tòa án để giải quyết vụ án cho thấy bị đơn không có thiện chí hàn gắn hạnh phúc gia đình, bỏ mặc hôn nhân và gia đình của mình. Cuộc sống hôn nhân của các đương sự lâm vào tình trạng mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên ly hôn là giải pháp tốt nhất để cả hai tự ổn định cuộc sống riêng của mình. Vì vậy, xét yêu cầu ly hôn của nguyên đơn là có cơ sở và phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

2.2. Về con chung: Có hai con chung tên là Cao Nguyễn Phương A, sinh ngày 17/4/2012 và Cao Nguyễn Thiên Â, sinh ngày 19/4/2017. Nguyên đơn đề nghị được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cả hai con chung cho đến khi trưởng thành.

Hội đồng xét xử xét thấy: Do bị đơn vắng mặt nên không ghi nhận được ý kiến của bị đơn về con chung. Nguyên đơn có chỗ ở ổn định và chứng minh được khả năng tài chính có thu nhập ổn định, đề nghị của nguyên đơn phù hợp với nguyện vọng của trẻ. Vì quyền lợi của trẻ em nên việc giao con chung cho nguyên đơn trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi trưởng thành là cần thiết và phù hợp với quy định tại các Điều 58, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Nguyên đơn không yêu cầu bị đơn cấp dưỡng nuôi con, Hội đồng xét xử ghi nhận.

2.3. Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] *Về án phí dân sự sơ thẩm:*

Nguyên đơn phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQHQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[4] Phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp tại phiên tòa là phù hợp với phần nhận định của Hội đồng xét xử.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 và khoản 4 Điều 91; khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 và khoản 3 Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 6, 7, 9 và 30 Luật thi hành án dân sự;

Căn cứ Luật phí và lệ phí;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQHQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Ông Cao Đăng Q được ly hôn bà Nguyễn Thị Phương H. Giấy chứng nhận kết hôn số 282/2012, quyển số 02 do Ủy ban nhân dân phường 03, quận Gò Vấp, thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 28/12/2012 không còn hiệu lực.

1.2. Về con chung: Giao ông Cao Đăng Q quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng hai con chung là trẻ Cao Nguyễn Phương A, sinh ngày 17/4/2012 và Cao Nguyễn Thiên Â, sinh ngày 19/4/2017 cho đến khi trưởng thành.

Bà Nguyễn Thị Phương H không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Trường hợp lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm con của người không trực tiếp nuôi con.

Trên cơ sở lợi ích của con, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức thì Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Ông Cao Đăng Q không yêu cầu bà Nguyễn Thị Phương H cấp dưỡng nuôi con. Khi có lý do chính đáng, việc cấp dưỡng nuôi con có thể thay đổi. Thay đổi về việc cấp dưỡng nuôi con do các bên thỏa thuận; Nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết.

1.3. Về tài sản chung: Tự thỏa thuận.

2/ Về án phí: Án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) do ông Cao Đăng Q chịu, nhưng được cấn trừ vào số tiền 300.000 đồng ông Q đã tạm nộp án phí theo biên lai thu số AA/2022/0012959 ngày 21/3/2023 của Chi cục Thi hành án quận Gò Vấp. Ông Cao Đăng Q đã nộp đủ án phí.

3/ Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014); Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014).

4/ Về quyền kháng cáo, kháng nghị: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ. Viện kiểm sát có quyền kháng nghị theo quy định.

Nơi nhận:
- TAND TPHCM;
- VKSNDQGV;
- CCTHADS QGV;
- Nơi cấp GCNKH;
- Đương sự;
- Lưu VP, HS.

TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Lê Tứ Nhị